

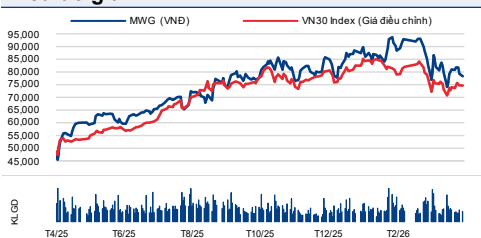
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ108,200
Tiềm năng tăng/giảm: 38.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (7/4/2026)	78,000
Mã Bloomberg	MWG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	45,593-93,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	78,533
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	114,537
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,349
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,468
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	720
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1.87
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	49.0%
Tỷ lệ freefloat	60.6%
Cổ đông lớn	in Đầu tư Thế Giới Ba (10.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	156,458	189,125	218,937
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,969	11,871	13,470
LNTT (tỷ đồng)	8,636	11,226	14,199
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,037	8,826	11,149
FCF (tỷ đồng)	5,204	5,707	6,721
EPS ĐC (đồng)	4,936	5,983	7,486
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
BVPS (đồng)	22,203	27,214	33,501
T.trưởng EBITDA (%)	28.2	32.4	13.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	88.6	24.6	25.1
Tăng trưởng DPS (%)	100	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.73	6.28	6.15
Tỷ suất LNTT (%)	5.52	5.94	6.49
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.50	4.67	5.09
Tỷ lệ LN trả CT (%)	20.8	16.7	13.4
Nợ thuần/VCSH (%)	77.1	60.1	49.7
ROAE (%)	23.3	24.3	24.7
ROACE (%)	23.1	25.5	26.2
EV/doanh thu (lần)	0.89	0.74	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.6	11.7	10.5
P/E ĐC (lần)	15.8	13.0	10.4
P/B (lần)	3.51	2.87	2.33
Lợi suất cổ tức (%)	1.28	1.28	1.28

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MWG là nhà bán lẻ điện thoại di động, điện máy và bách hóa hàng đầu ở Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Doanh thu chuỗi ĐMX Q1/2026: tăng mạnh và vượt dự báo

- ĐMX công bố doanh thu thuần Q1/2026 vững chắc, đạt 32.416 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ và cao hơn 4% so với dự báo của HSC ở mức 31.300 tỷ đồng. Doanh thu tăng trưởng khá vững chắc ở tất cả các ngành hàng trọng yếu. Trong đó, iPhone đóng vai trò dẫn dắt với mức tăng mạnh 65% so với cùng kỳ, các ngành hàng chủ lực khác tăng 15-45%.
- Mảng Thợ ĐMX và ứng dụng SuperApp lần lượt đóng góp 2% và 6% vào tổng doanh thu. KQKD tại thị trường nước ngoài tiếp tục vững chắc. Đáng chú ý, liên doanh EraBlue tại Indonesia ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu bất phá, gấp đôi so với cùng kỳ.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với MWG, với giá mục tiêu là 108.200đ. MWG đang giao dịch ở mức giá thấp, với P/E dự phóng 12 tháng tới là 12,9 lần, thấp hơn 0,6 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 3/2023 ở mức 16,2 lần.

Sự kiện: Công bố doanh thu chuỗi ĐMX Q1/2026

CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh (ĐMX), công ty con chuyên phân phối hàng điện máy của MWG, công bố doanh thu Q1/2026 vững chắc, với 32.416 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ, cao hơn 4% so với dự báo của HSC ở mức 31.300 tỷ đồng. Kết quả này hoàn thành khoảng 26% KHKD của ĐMX cũng như dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi.

Doanh thu của tất cả các ngành hàng chính như điện thoại di động, máy tính xách tay, TV, điện lạnh và đồ gia dụng nhỏ đều đạt mức tăng trưởng ở mức cao hai chữ số. Doanh thu trả góp là động lực tăng trưởng chính, với mức tăng 50% so với cùng kỳ và đóng góp 37% tổng doanh thu (Q1/2025: 33%). Doanh thu qua Super App (doanh thu kênh bán hàng trực tuyến) đóng góp 6% vào tổng doanh thu.

Riêng trong tháng 3/2026, doanh thu của chuỗi ĐMX tăng mạnh 30% so với cùng kỳ, đạt 9.616 tỷ đồng.

Tăng trưởng ở tất cả các ngành hàng, với điện thoại di động và đồ gia dụng nhỏ tăng mạnh nhất

KQKD tổng thể phản ánh đà tăng trưởng đồng nhất trên toàn bộ các ngành hàng CNTT và điện máy. Điều này khẳng định tính đúng đắn của chiến lược chuyển dịch trọng tâm sang chất lượng, tập trung tối ưu hóa doanh thu trên mỗi cửa hàng. Đáng chú ý, đà tăng trưởng này vẫn được duy trì vững chắc

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 8/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Doanh thu thuần hợp nhất Q1/2026 của ĐMX, MWG

Doanh thu thuần tăng mạnh 33% so với cùng kỳ, đạt 32.416 tỷ đồng, cao hơn 4% so với dự báo của chúng tôi

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	Q1/26 HSCF	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần của ĐMX	24,230	32,416	33%	31,300	104%
Điện thoại di động - Apple	4,322	7,132	65%		
Điện thoại di động - Android	5,919	6,807	15%		
Điện máy	9,521	12,966	36%		
Laptop	1,247	1,621	30%		
Phụ kiện	960	1,297	35%		
Dịch vụ	1,409	1,621	15%		
Khác	851	972	14%		

Nguồn: MWG, HSC

ngay cả khi mạng lưới phân phối đã thu hẹp 109 điểm bán (giảm 4% so với cùng kỳ). Xét theo cơ cấu sản phẩm, iPhone ghi nhận kết quả ấn tượng nhất trong quý với doanh thu bứt phá khoảng 60% so với cùng kỳ, đạt 7.132 tỷ đồng. Với mức tăng trưởng này, sản phẩm Apple đóng góp 22% vào tổng doanh thu thuần của công ty. Trong khi đó, doanh số điện thoại di động Android tăng 15% so với cùng kỳ đạt 6.807 tỷ đồng và đóng góp 21% vào doanh thu thuần. Doanh thu máy tính xách tay tăng mạnh 30% so với cùng kỳ trong bối cảnh giá bán tăng cao (tăng 20-30% so với cùng kỳ).

Mảng điện máy ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ với doanh thu đạt 12.966 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ. Mảng này hiện đóng góp tới 40% tổng doanh thu thuần, nhờ tận dụng tốt sự ổn định của nhu cầu hàng công nghệ cùng các chiến lược marketing quyết liệt và hiệu quả của MWG. Trong nhóm ngành hàng này, đồ gia dụng nhỏ và tủ lạnh ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 45% so với cùng kỳ, trong khi các sản phẩm cốt lõi khác – bao gồm TV và máy giặt – cũng tăng trưởng vững chắc hai chữ số từ 15-30% so với cùng kỳ.

Doanh thu trả góp: Động lực tăng trưởng doanh thu thuần đang được củng cố

Đáng chú ý, ĐMX đã công bố chi tiết doanh thu trả góp, qua đó nhấn mạnh vai trò của tài chính tiêu dùng như một đòn bẩy thiết yếu hỗ trợ tăng trưởng doanh thu.

Doanh thu trả góp tăng vọt 50% so với cùng kỳ lên 11.994 tỷ đồng, đóng góp 37% tổng doanh thu Q1/2026 (so với mức 33% của Q1/2025). Với khoảng 97% danh mục sản phẩm đủ điều kiện áp dụng chương trình trả góp tại hơn 3.000 cửa hàng, MWG đã tối ưu hóa khả năng tiếp cận của người tiêu dùng trong bối cảnh giá bán leo thang. Chiến lược này khẳng định sự linh hoạt của tập đoàn trong việc thích ứng với các xu hướng tài chính tiêu dùng mới.

‘Thợ’ DMX & SuperApp: Trải nghiệm và số hóa

Thợ DMX, công ty con của DMX chuyên cung cấp các dịch vụ lắp đặt, bảo trì và sửa chữa, đã đạt tổng doanh thu 701 tỷ đồng trong quý, tăng 45% so với cùng kỳ. Doanh thu từ khách hàng ngoài hệ thống ĐMX đạt 125 tỷ đồng, tăng 63% so với cùng kỳ và chiếm 18% doanh thu thuần của Thợ DMX. Dù tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu còn khiêm tốn, Thợ DMX đang trở thành mắt xích chiến lược trong việc củng cố lòng trung thành của khách hàng thông qua việc cải thiện các gói dịch vụ hậu mãi. Trong thời gian tới, Thợ DMX được kỳ vọng sẽ gia tăng thị phần tại phân khúc dịch vụ hậu mãi – một thị trường còn khá phân mảnh nhưng đầy tiềm năng tại Việt Nam. Động lực thâm nhập đến từ việc tận dụng mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa Điện Máy Xanh và các thương hiệu điện tử tiêu dùng.

Kênh bán hàng trực tuyến thông qua Super App ghi nhận doanh thu đạt 2.000 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ, mức tăng tương ứng với đà tăng trưởng chung của chuỗi. Hiện tại, kênh bán hàng trực tuyến đang đóng góp 6% vào tổng doanh thu của Điện Máy Xanh. Chỉ số tương tác trên nền tảng số ghi nhận kết quả ấn tượng với tổng cộng 44 triệu lượt truy cập Super App trong quý. Tính bình quân, mỗi ngày hệ thống phục vụ khoảng 489.000 lượt truy cập.

EraBlue: Mở rộng quy mô nhanh chóng tại thị trường nước ngoài

Liên doanh EraBlue tại Indonesia tiếp tục mở rộng quy mô kinh doanh một cách nhanh chóng. Doanh thu hàng quý đạt 906 tỷ IDR (tương đương khoảng 53,2 triệu USD), tăng gấp đôi so với cùng kỳ, nhờ doanh thu trên mỗi cửa hàng tăng mạnh 25% và việc mở rộng mạng lưới lên 212 cửa hàng tính đến cuối Q1/2026 (tăng thêm 31 cửa hàng kể từ cuối năm 2025). Chuỗi bán lẻ này đang đi đúng lộ trình để đạt được mục tiêu 500 cửa hàng vào năm 2027.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với MWG, với giá mục tiêu là 108.200đ. Chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q1/2026 đạt lần lượt

42.850 tỷ đồng (tăng 26% so với cùng kỳ) và 2.252 tỷ đồng (tăng 45% so với cùng kỳ).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	134,341	156,458	189,125	218,937	249,940
Lợi nhuận gộp	27,499	30,294	36,495	42,614	49,291
Chi phí BH&QL	(23,416)	(23,215)	(27,053)	(30,613)	(35,319)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,084	7,078	9,441	12,001	13,972
Lãi vay thuần	1,188	1,565	1,875	2,287	3,055
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(44.6)	24.4	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(401)	(31.0)	(90.0)	(90.0)	(90.0)
LNTT	4,826	8,636	11,226	14,199	16,937
Chi phí thuế TNDN	(1,092)	(1,561)	(2,313)	(2,904)	(3,457)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(11.4)	(38.9)	(86.6)	(146)	(179)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	3,722	7,037	8,826	11,149	13,301
Lợi nhuận thuần ĐC	3,722	7,037	8,826	11,149	13,301
EBITDA ĐC	6,997	8,969	11,871	13,470	15,443
EPS (đồng)	2,546	4,800	5,983	7,486	8,843
EPS ĐC (đồng)	2,546	4,936	5,983	7,486	8,843
DPS (đồng)	500	1,000	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,462	1,466	1,475	1,489	1,504
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,461	1,468	1,476	1,491	1,505
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,461	1,468	1,476	1,491	1,505
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	4,897	5,000	6,036	5,407	5,091
Đầu tư ngắn hạn	29,324	33,874	40,874	49,874	60,874
Phải thu khách hàng	8,826	10,153	10,916	12,538	14,185
Hàng tồn kho	22,245	27,267	31,320	34,823	38,216
Các tài sản ngắn hạn khác	544	921	1,110	1,295	1,488
Tổng tài sản ngắn hạn	65,836	77,215	90,256	103,938	119,855
TSCĐ hữu hình	3,523	2,540	1,247	1,293	1,356
TSCĐ vô hình	63.5	58.1	58.1	57.7	57.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	2,765	2,765	2,765	2,765
Đầu tư vào Cty LD,LK	242	371	371	371	371
Tài sản dài hạn khác	773	1,009	1,046	1,147	1,252
Tổng tài sản dài hạn	4,601	6,744	5,487	5,633	5,802
Tổng cộng tài sản	70,438	83,959	95,743	109,571	125,656
Nợ ngắn hạn	27,300	29,931	29,931	29,931	29,931
Phải trả người bán	9,180	13,124	15,740	18,212	20,786
Nợ ngắn hạn khác	5,054	6,615	7,916	9,145	10,424
Tổng nợ ngắn hạn	42,316	50,780	54,918	58,828	62,900
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	42,316	50,780	54,918	58,828	62,900
Vốn chủ sở hữu	27,758	32,604	40,162	49,935	61,769
Lợi ích cổ đông thiểu số	364	576	662	808	987
Tổng vốn chủ sở hữu	28,122	33,179	40,824	50,743	62,756
Tổng nợ phải trả và VCSH	70,438	83,959	95,743	109,571	125,656
BVPS (đ)	18,993	22,203	27,214	33,501	41,030
Nợ thuần*/(tiền mặt)	22,403	24,931	23,895	24,524	24,840

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	4,084	7,078	9,441	12,001	13,972
Khấu hao	(2,913)	(1,891)	(2,430)	(1,468)	(1,471)
Lãi vay thuần	1,188	1,565	1,875	2,287	3,055
Thuế TNDN đã nộp	(959)	(1,546)	(2,493)	(3,073)	(3,634)
Thay đổi vốn lưu động	3,224	(300)	(867)	(400)	(162)
Khác	(1,933)	(2,590)	(3,185)	(4,048)	(4,890)
LCT thuần từ HKKD	8,517	6,097	7,201	8,235	9,812
Đầu tư TS dài hạn	(304)	(892)	(1,494)	(1,514)	(1,534)
Góp vốn & đầu tư	(52,159)	(57,063)	(7,000)	(10,000)	(12,000)
Thanh lý	38,344	48,784	0	0	0
Khác	2,376	2,510	3,731	3,994	4,761
LCT thuần từ HĐĐT	(11,743)	(6,662)	(4,763)	(7,520)	(8,773)
Cổ tức trả cho CSH	(731)	(1,478)	(1,476)	(1,491)	(1,505)
Thu từ phát hành CP	1,762	(532)	73.4	148	149
Tăng/giảm nợ	1,726	2,678	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,757	667	(1,402)	(1,343)	(1,356)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,366	4,897	5,000	6,036	5,407
LCT thuần trong kỳ	(468)	103	1,036	(628)	(317)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.10	0.06	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	4,897	5,000	6,036	5,407	5,091
Dòng tiền tự do	8,214	5,204	5,707	6,721	8,278
Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	20.5	19.4	19.3	19.5	19.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.21	5.73	6.28	6.15	6.18
Tỷ suất LNT (%)	2.77	4.50	4.67	5.09	5.32
Thuế TNDN hiện hành (%)	22.6	18.1	20.6	20.5	20.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	13.6	16.5	20.9	15.8	14.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	86.2	28.2	32.4	13.5	14.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	2,120	89.1	25.4	26.3	19.3
Tăng trưởng EPS (%)	2,121	88.6	24.6	25.1	18.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	2,121	93.9	21.2	25.1	18.1
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	19.6	20.8	16.7	13.4	11.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.6	23.3	24.3	24.7	23.8
ROACE (%)	14.2	23.1	25.5	26.2	24.6
Vòng quay tài sản (lần)	2.06	2.03	2.10	2.13	2.13
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	2.09	0.86	0.76	0.69	0.70
Số ngày tồn kho	76.0	78.9	74.9	72.1	69.5
Số ngày phải thu	30.2	29.4	26.1	26.0	25.8
Số ngày phải trả	31.4	38.0	37.6	37.7	37.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	81.0	77.1	60.1	49.7	40.8
Nợ/tài sản (%)	38.9	35.9	31.5	27.6	24.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	3.91	3.36	2.54	2.24	1.96
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.56	1.52	1.64	1.77	1.91
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.02	0.89	0.74	0.64	0.57
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.5	15.6	11.7	10.5	9.21
P/E (lần)	30.6	16.2	13.0	10.4	8.82
P/E ĐC (lần)	30.6	15.8	13.0	10.4	8.82
P/B (lần)	4.11	3.51	2.87	2.33	1.90
Lợi suất cổ tức (%)	0.64	1.28	1.28	1.28	1.28

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn